

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 15/11/2021 12:52 15/11

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Giá heo Trung Quốc đã bật tăng khá tốt vào cuối tuần trước và đầu tuần này khi lực mua của thị trường cho các dịp lễ Tết cuối năm tốt hơn, đưa mặt bằng giá bình quân đạt 18,1 tệ/kg, tương đương 64.000 đồng/kg trong khi khu vực miền Nam dao động từ 18,1-19,2 tệ/kg, tương đương 66-68.000 đồng/kg.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

Tại miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, giá heo các công ty lớn dao động quanh mức 42-44.000 đồng/kg, mức trên 45.000 đồng/kg hầu như không còn do heo dân đang bán phổ biến 42.000 đồng/kg và heo chạy dịch ra thị trường vẫn khá nhiều.

- Thương lái cho biết, dịch tả châu Phi kết hợp tại xanh vẫn tiếp tục nổ ở nhiều trại dân lẫn công ty, làm heo bị chết nhanh nên các trại có xu hướng bán chạy đàn để giảm thiểu rủi ro. Tuy nhiên, heo dân miền Bắc có dấu hiệu cạn hơn và biểu heo từ một số công ty nhỏ lại do áp lực tồn heo giảm xuống sau khi một lượng lớn heo bị thiệt hại do dịch, có thể đẩy giá tăng lại vào tuần này.

- Do heo dân và công ty bị nổ dịch tả châu Phi khá mạnh ở cả 3 miền nên thương nhân kỳ vọng giá heo sẽ sớm tăng lại mức 50.000 đồng/kg và duy trì cho tới qua Tết nguyên đán.

Tại miền Trung

- Tại **miền Trung**, cuối tuần trước, khi lực heo đóng ra Bắc có xu hướng tăng để tấp vào chờ giá lên thì một số công ty lớn hạ giá heo biểu to còn 41.000 đồng/kg để thoát hàng, đưa mặt bằng giá khu vực này giao dịch phổ biến 41-44.000 đồng/kg.

Tại miền Nam

- Tại **miền Nam**, do lực đóng heo biểu to ra Bắc yếu trong khi nguồn cung heo biểu to khu vực này còn khá nhiều, cùng với sức mua chậm nên giá heo khu vực này giảm còn phổ biến 42-46.000 đồng/kg. Mức trên 46.000 đồng/kg vẫn còn áp dụng ở một số công ty nhưng cho heo đẹp.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo về chợ đạt hơn 2.000 con, trong đó có 6-7 xe heo miền Trung và miền Nam, với giá lên xe từ 37-41.000 đồng/kg tùy loại, tùy tỷ lệ lựa. Chợ bán chậm do khách tới chợ ít, với giá hàng đầu 45.000 đồng/kg, phổ biến 40-41.000 đồng/kg.

- Tại **chợ Tân Xuân**, hôm qua và hôm nay lượng heo nhập chợ đạt hơn 3.000 con. Chợ bán không được giá từ đầu phiên và rớt còn 30-40.000 đồng/kg vào cuối phiên, ngay cả với heo khá, kéo giá bình bông đạt quanh 52-56.000 đồng/kg.

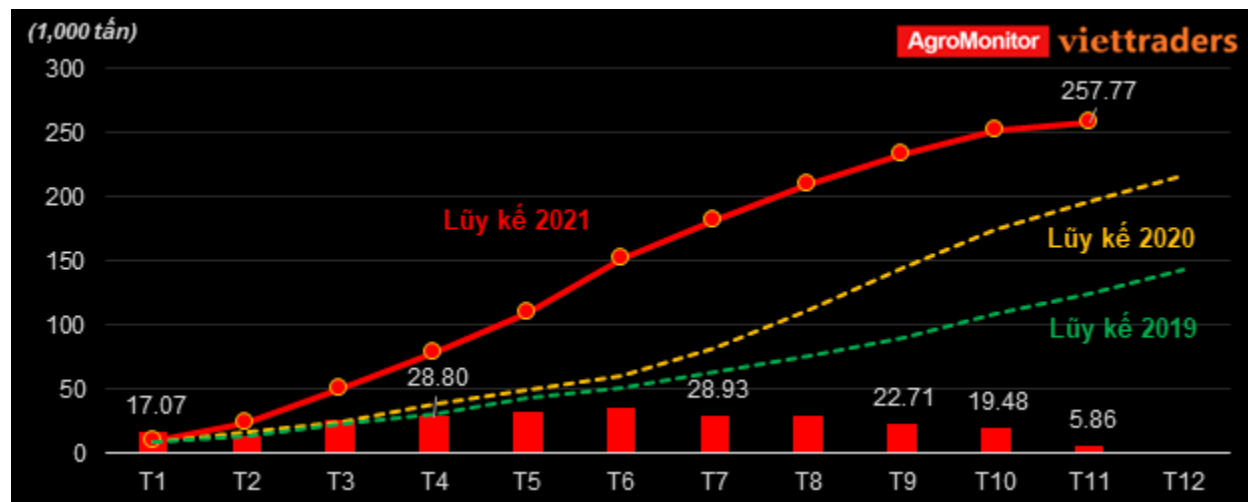
Giao dịch biên mậu

- Với mặt bằng giá mới, giá heo miền Nam Trung Quốc hiện cao hơn miền Bắc Việt Nam trên dưới 15.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do số ca nhiễm Covid 19 tại Việt Nam đạt cao và Trung Quốc kiểm soát chặt các đường mòn lối mở nên heo Việt Nam chưa đi Trung Quốc được.

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 9/11/2021 (nghìn tấn)
13:13 30/10

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 09/11/2021

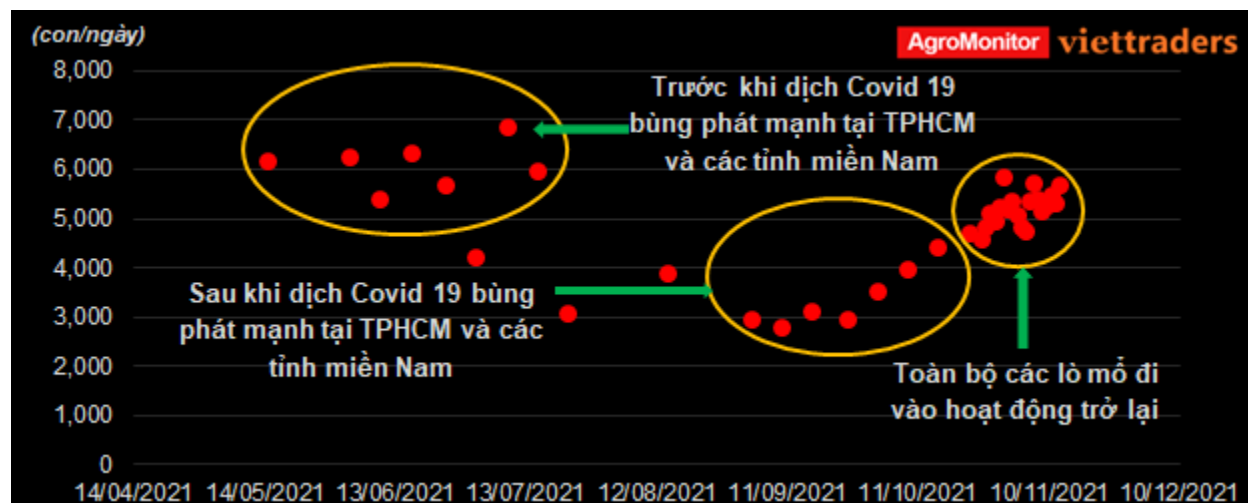
(xem chi tiết tại đây)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 13/11/2021 (con/ngày) 10:18 09/11

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 13/11/2021 (con/ngày)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và heo con ngày 15/11/2021 08:58 15/11

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		44,000-46,000	44,000-46,000	44,000-48,000
Heo dân	Thái Bình	40,000-42,000	40,000-43,000	41,000-46,000
	Bắc Giang	40,000-42,000	40,000-42,000	41,000-46,000
	Hà Nội	40,000-42,000	40,000-42,000	40,000-45,000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		105.000-110.000	105.000-110.000	105.000-110.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		700.000-900.000	700.000-900.000	700.000-1.000.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Trung		42,500-48,000	42,500-48,000	42,500-48,000
Heo dân	Nghệ An	41,000-44,000	43,000-44,000	43,000-46,000
	Bình Định	39,000-44,000	40,000-44,000	40,000-46,000
	Đắk Lắk	42,000-45,000	43,000-45,000	43,000-46,000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	42,000-50,000	42,000-50,000	42,000-51,000
	Miền Tây	41,000-50,000	41,000-50,000	41,000-51,000
Heo dân	Đồng Nai	42,000-46,000	43,000-46,000	43,000-48,000
	Tiền Giang	40,000-42,000	41,000-42,000	42,000-46,000
	Bến Tre	39,000-43,000	40,000-43,000	40,000-45,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 15/11/2021 11:09 15/11

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	26.000-28.000	24.000-25.500	24.000-25.500
	Miền Nam	29.000-30.000	28.000-30.000	28.000-30.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	26.000-28.000	24.000-25.000	24.000-25.000
	Vĩnh Phúc	26.000-28.000	24.000-25.500	24.000-25.500
	Hà Nội	26.000-28.000	24.000-25.500	24.000-25.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	28.000-30.000	27.000-28.000	27.000-28.000
	Bình Phước	28.000-30.000	27.000-28.000	27.000-28.000

Gà màu

Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	42.000-43.000	42.000-43.000	39.000-40.000
Gà ta lai CP – miền Trung	44.000-45.000	42.000-44.000	-
Gà ta lai CP – miền Nam	44.000-45.000	42.000-44.000	40.000-44.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	49.000-51.000	49.000-51.000	49.000-51.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-42.000	40.000-42.000	38.000-42.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-44.000	40.000-44.000	36.000-44.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
-----------	------------	------------	------------

Miền Bắc – Vịt Super	30.000-32.000	33.000-35.000	33.000-36.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	40.000-41.000	40.000-41.000	42.000-43.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	37.000-38.000	40.000-41.000	40.000-42.000

Bảng giá Heo hơi tại Trung Quốc và Thái Lan ngày 15/11/2021 08:41 15/11

Nhu cầu mua tích trữ có nhiều hơn tiếp tục đẩy tăng mặt bằng giá heo hơi tại Trung Quốc.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Quảng Đông	CNY/kg	19,23	▲0,32	▲0,79	▲5,78	▼11,94	68.300
Quảng Tây		18,56	▲0,14	▲0,92	▲5,51	▼12,45	65.900
Vân Nam		17,29	▲0,24	▲0,27	▲5,72	▼12,94	61.400
Phúc Kiến		18,90	▲0,35	▲1,13	▲5,61	▼11,42	67.100
Tứ Xuyên		19,42	▲0,11	▲0,32	▲5,97	▼11,68	68.900
Liêu Ninh		16,49	▲0,22	▲0,17	▲3,62	▼11,54	58.500
Hà Bắc		17,63	▲0,24	▲0,46	▲5,08	▼10,77	62.600
Sơn Đông		17,93	▲0,51	▲0,85	▲4,78	▼10,67	63.600
Bình quân			18,11	▲0,26	▲0,64	▲4,98	▼11,38
Thái Lan							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	—0,00	-	47.500
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	50.000
Miền Trung		79,00	—0,00	▲1,00	▲14,00	▲7,00	55.600
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	53.500
Miền Tây		83,00	—0,00	▲2,00	▲11,00	-	58.400
Miền Nam		84,00	—0,00	—0,00	▲6,00	-	59.100
Bình quân			76,75	—0,00	▲0,50	▲5,17	▲0,75
Campuchia							
Bình quân	KHR/kg	10.545	▲14	▲409	-	-	58.600
Indonesia							
Bình quân	IDR/kg	62.234	▲2.866	▲2.958	▲3.104	▲17.994	99.000

Thị trường Gia súc thế giới ngày 15/11/2021

08:45 15/11/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THÊ GIỚI NGÀY 15/11/2021	
Thị trường Heo	<p>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Giá bình quân tăng thêm lên 18,11 tệ/kg (▲0,26 tệ/kg);- Tại tỉnh Quảng Tây, giá heo đạt 18,56 tệ/kg (▲0,14 tệ/kg);- Giá heo giống giữ ổn định so với hôm qua tại mức 19,48 tệ/kg, tương đương quy đổi trên 480.000 đồng/con 7kg.
	<p>▶ <u>Giá heo Thái Lan</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Giá phổ biến tuần này nhích thêm lên quanh mức 80-84 Baht/kg (▲4 baht/kg);- Giá heo giống tiếp tục có xu hướng tăng thêm;- Kênh xuất khẩu heo sống vẫn chậm.

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ **Tại Trung Quốc**

- Giá heo Trung Quốc đã bật tăng khá tốt vào cuối tuần trước và đầu tuần này khi lực mua của thị trường cho các dịp lễ Tết cuối năm tốt hơn, đưa mặt bằng giá bình quân đạt 18,1 tệ/kg, tương đương 64.000 đồng/kg trong khi khu vực miền Nam dao động từ 18,1-19,2 tệ/kg, tương đương 66-68.000 đồng/kg. Với mặt bằng giá mới, giá heo miền Nam Trung Quốc hiện cao hơn miền Bắc Việt Nam trên dưới 15.000 đồng/kg.

- Tại sàn Đại Liên, giá heo hơi các kỳ hạn cũng được điều chỉnh tăng mạnh kể từ đầu phiên giao dịch đầu tuần nhờ kỳ vọng vào sức tiêu thụ tăng lên trong các dịp lễ hội đầu năm 2022, theo đó giá heo hơi kỳ hạn tháng 1-5/2022 dao động từ 14,6-16,6 tệ/kg, tương đương 52-59.000 đồng/kg, tăng từ 2-4% so với phiên giao dịch cuối tuần trước.

DIỄN BIẾN GIÁ

Nhu cầu mua tích trữ có nhiều hơn tiếp tục đẩy tăng mặt bằng giá heo hơi tại Trung Quốc.

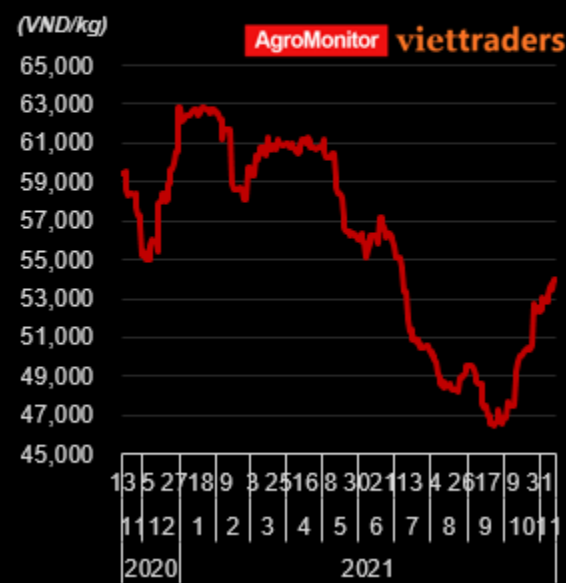
Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Quảng Đông	CNY/kg	19,23	▲0,32	▲0,79	▲5,78	▼11,94	68.300
Quảng Tây		18,56	▲0,14	▲0,92	▲5,51	▼12,45	65.900
Vân Nam		17,29	▲0,24	▲0,27	▲5,72	▼12,94	61.400
Phúc Kiến		18,90	▲0,35	▲1,13	▲5,61	▼11,42	67.100
Tứ Xuyên		19,42	▲0,11	▲0,32	▲5,97	▼11,68	68.900
Liêu Ninh		16,49	▲0,22	▲0,17	▲3,62	▼11,54	58.500
Hà Bắc		17,63	▲0,24	▲0,46	▲5,08	▼10,77	62.600
Sơn Đông		17,93	▲0,51	▲0,85	▲4,78	▼10,67	63.600
Bình quân			18,11	▲0,26	▲0,64	▲4,98	▼11,38
Thái Lan							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	—0,00	-	47.500
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	50.000
Miền Trung		79,00	—0,00	▲1,00	▲14,00	▲7,00	55.600
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	53.500
Miền Tây		83,00	—0,00	▲2,00	▲11,00	-	58.400
Miền Nam		84,00	—0,00	—0,00	▲6,00	-	59.100
Bình quân			76,75	—0,00	▲0,50	▲5,17	▲0,75
Campuchia							
Bình quân	KHR/kg	10.545	▲14	▲409	-	-	58.600
Indonesia							
Bình quân	IDR/kg	62.234	▲2.866	▲2.958	▲3.104	▲17.994	99.600

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi tại Trung Quốc, 15/11/2020 – 15/11/2021 (VND/kg)



Hình 2. Diễn biến giá heo hơi tại Thái Lan, 14/11/2020 – 14/11/2021 (VND/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Tuần qua, giá heo hơi các kỳ hạn tại sàn Đại Liên có diễn biến giảm nhẹ so với tuần trước do lo ngại về nguồn cung heo tiếp tục tăng cao vượt mức tiêu thụ vào năm 2022.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi các kỳ hạn giao dịch tại sàn Đại Liên trong tuần

Kỳ hạn	08/11	09/11	10/11	11/11	12/11	Bình quân tuần		
						Tỷ/kg	So với tuần trước	VND/kg
Tháng 11/2021	15,87	15,87	16,29	15,95	15,90	15,97	▲ 1,22	56.600
Tháng 1/2022	16,48	16,12	16,14	16,08	16,07	16,18	▼ 0,12	57.300
Tháng 3/2022	14,71	14,47	14,36	14,30	14,36	14,44	▼ 0,37	51.200
Tháng 5/2022	15,76	15,38	15,21	15,25	15,29	15,38	▼ 0,48	54.500
Tháng 7/2022	16,73	16,36	16,15	16,25	16,25	16,35	▼ 0,63	57.900
Tháng 9/2022	17,51	17,11	17,04	17,12	17,15	17,18	▼ 0,61	60.900

Ghi chú: Kỳ hạn tháng 11/2021 sẽ tiếp tục được niêm yết trên sàn cho tới khi các lô hàng cuối cùng được giao tới người mua.

Tại Trung Quốc, giá heo giống tăng khá tốt trong tuần qua nhờ sự cải thiện của giá heo hơi cùng với nhu cầu vào đàn mới có nhiều hơn.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch heo giống tại Trung Quốc và Thái Lan

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Vùng Đông Bắc	CNY/kg	16,29	—0,00	▲1,57	▲2,98	▼86,42	57.800
Miền Bắc		17,45	—0,00	▲1,47	▲2,68	▼88,97	61.900
Miền Đông		20,68	—0,00	▲2,31	▲3,58	▼88,39	73.400
Miền Trung		20,94	—0,00	▲2,34	▲3,98	▼91,02	74.300
Miền Nam		21,61	—0,00	▲3,14	▲4,27	▼91,42	76.700
Vùng Tây Nam		21,41	—0,00	▲2,25	▲3,69	▼88,75	76.000
Vùng Tây Bắc		16,89	—0,00	▲0,06	▲1,24	▼89,30	60.000
Bình quân			19,48	—0,00	▲1,82	▲3,14	▼88,93
Thái Lan							
CP – 6kg	Baht/con	2.100	—0,00	▲100	▲700	▼200	1.465.000
CP – 16kg		2.400 (+/- 80)	—0,00	▲100	▲700	▼200	1.674.000
CP – 25kg		2.500 (+/- 80)	—0,00	▲100	▲700	▼200	1.744.000
Trại dân – 12kg		2.300	—0,00	▲100	▲700	▼200	1.604.000

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
22/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Cộng hòa Nam Phi tiếp tục công bố dịch bệnh tại tỉnh Western Cape với 3 con heo nuôi trong nước đã bị chết vì nhiễm virus dịch tả heo châu Phi. - 38 con heo rừng tại Ba Lan đã bị phát hiện mang virus gây bệnh. - Nga cho biết 5 con heo đã được phát hiện nhiễm bệnh, gồm cả heo rừng và heo nuôi.
25/10/2021	- Đàn heo rừng tại Hungary tiếp tục phát hiện thêm 5 trường hợp mắc bệnh, cả 5 trường hợp hiện đã được tiêu hủy.
26/10/2021	- 17 con heo rừng tại Latvia đã bị tiêu hủy do 11 con trong số đó được phát hiện nhiễm dịch tả châu Phi.

Sản xuất – Tiêu thụ

▶ **Tại Trung Quốc**

Lượng heo xuất bán từ phía các công ty tại Trung Quốc có xu hướng tăng thêm trong tháng 10.

Bảng 5. Lượng heo sống xuất bán của 15 doanh nghiệp chăn nuôi nổi bật tại Trung Quốc trong năm 2021 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 9	Tháng 10	So với tháng trước	So với mục tiêu xuất bán năm 2021		
					10T 2021	Mục tiêu	Tiến độ
1	Muyuan	3.086,0	5.258,0	▲70%	31.365,0	40.000,0	78%
2	Zhenbang Tech	1.376,0	1.282,3	▼7%	13.177,6	20.000,0	66%
3	New Hope	935,7	1.190,9	▲27%	8.002,2	16.000,0	50%
4	Wen's	1.698,8	1.819,6	▲7%	10.794,8	12.000,0	90%
5	Cofco	288,0	-	-	-	-	-
6	Dabeinong	424,1	451,5	▲6%	3.400,2	5.000,0	68%
7	Aonong Bio	325,9	367,1	▲13%	2.418,5	4.000,0	60%
8	Tianbang	321,2	536,4	▲67%	3.344,1	7.000,0	48%
9	Tiankang Bio	158,0	115,3	▼27%	1.333,4	2.000,0	67%
10	Tang Ren Shen	108,0	171,9	▲59%	1.323,5	2.000,0	66%
11	Jin Xinnong	70,2	126,1	▲62%	745,1	1.200,0	73%
12	Longda Meat	28,8	-	-	-	-	-
13	Luo Niu Shan	38,3	-	-	-	-	-
14	Dawnrays	25,2	-	-	-	400,0	-
15	Zhenhong Tech	29,9	37,6	▲26%	181,7	-	-
Tổng		8.914,1	-	-	-	-	-

Ghi chú: Mục tiêu xuất bán của công ty Muyuan đã được điều chỉnh tăng lên so với dữ liệu trước đó.

Thương mại

▶ Tại Thái Lan

Mặc dù dịch Covid 19 tại Campuchia có chiều hướng êm hơn nhưng tiêu thụ heo nước này vẫn chưa có nhiều cải thiện khiến nhu cầu heo sống từ Thái Lan vẫn rất yếu, theo đó lượng heo sống Thái Lan xuất khẩu sang Campuchia trong tuần này vẫn đạt thấp với mức 300-500 con/ngày.

Bảng 6. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)

Thị trường	Tuần kết thúc 06/10	Tuần kết thúc 13/11	Thay đổi	Ghi chú
------------	---------------------	---------------------	----------	---------

Campuchia	300-500	300-500	-	Toàn bộ là heo thịt
Lào	-	-	-	
Trung Quốc	-	-	-	
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 7. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 15/11/2021

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,733	—0,00	AUD/VND*	16.761	—0,00
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,183	—0,00	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,797	—0,00	CAD/VND*	18.277	—0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,157	—0,00	CNY/VND	3.550	—0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,144	—0,00	EUR/VND*	26.643	—0,00
GBP (Anh)	GBP/USD	1,342	—0,00	GBP/VND*	30.723	—0,00
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,60	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,56	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,031	—0,00	THB/VND*	704	—0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22,745	—0,00

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank

Thị trường Gia súc nội địa ngày 15/11/2021

13:29 15/11/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 15/11/2021

THỊ TRƯỜNG HEO		
Giá heo hơi nội địa		
<u>Miền Bắc</u>	Giá heo các công ty lớn phổ biến 42-44.000 đồng/kg, mức trên 45.000 đồng/kg hầu như không còn do heo dân đang bán phổ biến 42.000 đồng/kg và heo chạy dịch ra thị trường vẫn khá nhiều	Triển vọng: - Do heo dân và công ty bị nỗ dịch tả châu Phi khá mạnh ở cả 3 miền nên thương
<u>Miền Trung</u>	Một số công ty lớn hạ giá heo biểu to còn 41.000 đồng/kg để thoát hàng, đưa mặt bằng giá khu vực này giao dịch phổ biến 41.000-44.000 đồng/kg.	

<u>Miền Nam</u>	Lực đóng heo biểu to ra Bắc yếu trong khi nguồn cung heo biểu to khu vực này còn khá nhiều, cùng với sức mua chậm nên giá heo giảm còn phổ biến 42-46.000 đồng/kg. Mức trên 46.000 đồng/kg vẫn còn áp dụng ở một số công ty nhưng cho heo đẹp.	<i>nhân kỳ vọng giá heo sẽ sớm tăng lại mức 50.000 đồng/kg và duy trì cho tới qua Tết nguyên đán.</i>
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ		
<u>Chợ đầu</u> <u>mối Ngọc</u> <u>Lũ</u>	- Lượng heo về chợ: đạt hơn 2.000 con, trong đó có 6-7 xe heo miền Trung và miền Nam. Chợ bán chậm với giá hàng đầu giảm còn 45.000 đồng/kg, phổ biến 40.000-41.000 đồng/kg.	
<u>Chợ đầu</u> <u>mối, lò mổ -</u> <u>HCM</u>	<i>Chợ Tân Xuân:</i> Lượng heo nhập chợ đạt hơn 3.000 con. Chợ bán không được giá từ đầu phiên và rớt còn 30-40.000 đồng/kg vào cuối phiên, ngay cả với heo khá, kéo giá bình bông đạt quanh 52-56.000 đồng/kg.	
Giao dịch biên mậu		
Giá heo miền Nam Trung Quốc hiện cao hơn miền Bắc Việt Nam trên dưới 15.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do số ca nhiễm Covid 19 tại Việt Nam đạt cao và Trung Quốc kiểm soát chặt các đường mòn lối mở nên heo Việt Nam chưa đi Trung Quốc được.		

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

1. Miền Bắc

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, giá heo các công ty lớn dao động quanh mức 42-44.000 đồng/kg, mức trên 45.000 đồng/kg hầu như không còn do heo dân đang bán phổ biến 42.000 đồng/kg và heo chạy dịch ra thị trường vẫn khá nhiều.

- Thương lái cho biết, dịch tả châu Phi kết hợp tai xanh vẫn tiếp tục nở ở nhiều trại dân lẫn công ty, làm heo bị chết nhanh nên các trại có xu hướng bán chạy đàn để giảm thiểu rủi ro. Tuy nhiên, heo dân miền Bắc có dấu hiệu cạn hơn và biểu heo từ một số công ty nhỏ lại do áp lực tồn heo giảm xuống sau khi một lượng lớn heo bị thiệt hại do dịch, có thể đẩy giá tăng lại vào tuần này.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
<i>Heo hơi</i>				
Heo công ty-Miền Bắc		44,000-46,000	44,000-46,000	44,000-48,000
Heo dân	Thái Bình	40,000-42,000	40,000-43,000	41,000-46,000

	Bắc Giang	40,000-42,000	40,000-42,000	41,000-46,000
	Hà Nội	40,000-42,000	40,000-42,000	40,000-45,000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		105.000-110.000	105.000-110.000	105.000-110.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		700.000-900.000	700.000-900.000	700.000-1.000.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

2. Miền Trung

- **Tại miền Trung**, cuối tuần trước, khi lực heo đóng ra Bắc có xu hướng tăng để tấp vào chờ giá lên thì một số công ty lớn hạ giá heo biểu to còn 41.000 đồng/kg để thoát hàng, đưa mặt bằng giá khu vực này giao dịch phổ biến 41-44.000 đồng/kg.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Trung		42,500-48,000	42,500-48,000	42,500-48,000
Heo dân	Nghệ An	41,000-44,000	43,000-44,000	43,000-46,000
	Bình Định	39,000-44,000	40,000-44,000	40,000-46,000
	Đắc Lắc	42,000-45,000	43,000-45,000	43,000-46,000

3. Miền Nam

- **Tại miền Nam**, do lực đóng heo biểu to ra Bắc yếu trong khi nguồn cung heo biểu to khu vực này còn khá nhiều, cùng với sức mua chậm nên giá heo khu vực này giảm còn phổ biến 42-46.000 đồng/kg. Mức trên 46.000 đồng/kg vẫn còn áp dụng ở một số công ty nhưng cho heo đẹp.

- Do heo dân và công ty bị nỗ dịch tả châu Phi khá mạnh ở cả 3 miền nên thương nhân kỳ vọng giá heo sẽ sớm tăng lại mức 50.000 đồng/kg và duy trì cho tới qua Tết nguyên đán.

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	42,000-50,000	42,000-50,000	42,000-51,000
	Miền Tây	41,000-50,000	41,000-50,000	41,000-51,000
Heo dân	Đồng Nai	42,000-46,000	43,000-46,000	43,000-48,000
	Tiền Giang	40,000-42,000	41,000-42,000	42,000-46,000
	Bến Tre	39,000-43,000	40,000-43,000	40,000-45,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000

Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- **Tại chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo về chợ đạt hơn 2.000 con, trong đó có 6-7 xe heo miền Trung và miền Nam, với giá lên xe từ 37-41.000 đồng/kg tùy loại, tùy tỷ lệ lựa. Chợ bán chậm do khách tới chợ ít, với giá hàng đầu 45.000 đồng/kg, phổ biến 40-41.000 đồng/kg.

- **Tại chợ Tân Xuân**, hôm qua và hôm nay lượng heo nhập chợ đạt hơn 3.000 con. Chợ bán không được giá từ đầu phiên và rớt còn 30-40.000 đồng/kg vào cuối phiên, ngay cả với heo khá, kéo giá bình bông đạt quanh 52-56.000 đồng/kg.

Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

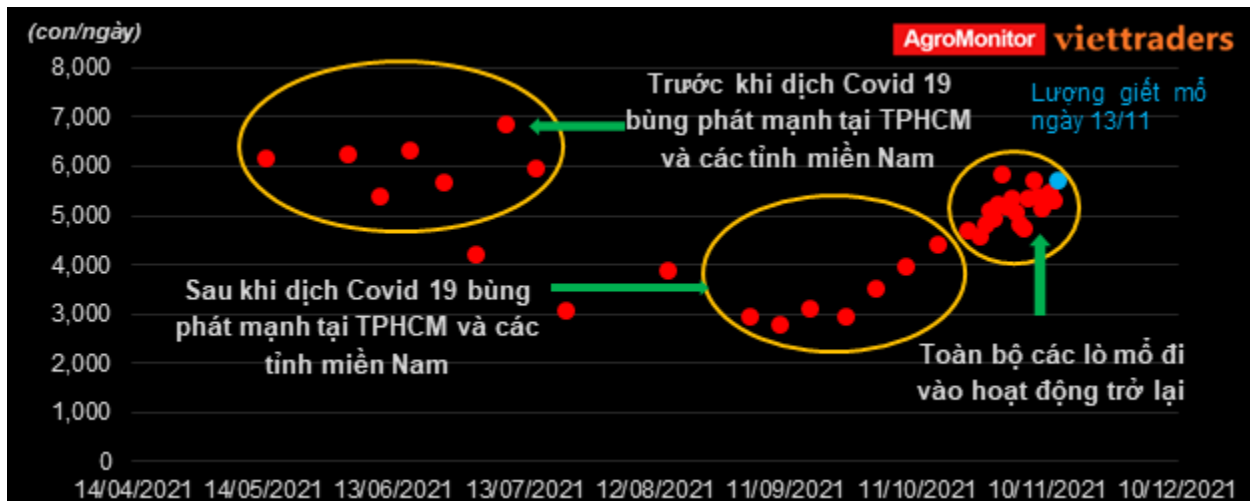
Khu vực	Chợ đầu mối		15/11/2021	12/11/2021
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	>2,000	>2,000
		Giá giao dịch tại chợ phổ biến(đồng/kg)	40,000-45,000	40,000-45,000
Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo nhập chợ (con)	>3,000	>2,800
		Giá giao dịch (đồng/kg)	30,000-60,000	42,000-65,000

Bảng 5. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại	Khu vực	15/11/2021	12/11/2021	
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	62,000	62,000
		CP - miền Nam	62,000	62,000
		CJ - miền Nam	61,000	61,000
		Emivest - miền Nam	61,500	61,500
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	45,000-56,000	45,000-56,000
		Vạn Phúc – Hà Nội	40,000	40,000
		Lộc An - TPHCM	35,000	35,000

- Tại các lò mổ tại TPHCM, lượng heo đưa về giết mổ trong ngày cuối tuần trước có xu hướng tăng lại và đạt cao nhất trong gần 1 tuần trở lại đây với gần 5.700 con/ngày, tương đương đạt khoảng 36% tổng công suất giết mổ của các lò.

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

III. Giao dịch biên mậu

- Tại các tỉnh miền Nam Trung Quốc, giá heo hơi dao động từ 18,1-19,2 tệ/kg, tương đương 66-68.000 đồng/kg. Với mặt bằng giá mới, giá heo miền Nam Trung Quốc hiện cao hơn miền Bắc Việt Nam trên dưới 15.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do số ca nhiễm Covid 19 tại Việt Nam đạt cao và Trung Quốc kiểm soát chặt các đường mòn lối mở nên heo Việt Nam chưa đi Trung Quốc được.

IV. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 6. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Dịch tả châu Phi và Tai xanh vẫn đang nỗ mạnh trên phạm vi rộng tại nhiều tỉnh thành miền Bắc.
Miền Trung	- Dịch tả heo châu Phi kết hợp dịch Tai xanh vẫn đang lai rai nỗ tại cả khu vực Bắc miền Trung và Nam miền Trung. Riêng tại khu vực Tây Nguyên, vài ngày trở lại đây, thời tiết mưa nhiều khiến xu hướng dịch bệnh lan rộng hơn.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi vẫn lai rai nỗ tại cả miền Đông và miền Tây. Cùng với dịch tả châu Phi, bệnh Tai xanh cũng vẫn lai rai có tại nhiều vùng. Riêng tại miền Tây, Bến Tre, Tiền Giang và An Giang vẫn là những tỉnh đang nỗ dịch mạnh hơn cả.

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 7. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	15/11/2021	12/11/2021
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiên – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiên – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuột – khu vực Hải Bôi (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuột – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuột – bò ta	222.000	222.000

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	15/11/2021	12/11/2021
Bò thiên – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiên – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng, tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuột Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 15/11/2021

13:47 15/11/2021

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 15/11/2021

<u>Gà trắng</u>	Tại miền Bắc: 26.000-28.000 đồng/kg Mặc dù biểu gà to vẫn hơn, nguồn cung gà cũng không dư thừa nhưng do sức mua của thị trường rất chậm khiến các công ty có thể sẽ ngừng tăng giá nhằm kích cầu tiêu thụ.
	Tại miền Nam: 28.000-30.000 đồng/kg Giá 27.000 đồng/kg gần như không còn do biểu gà nhỏ 2.8 kg/con xuất bán ít hơn, thị trường hiện chủ yếu tiêu thụ gà 3-3.3 kg/con.
<u>Lò An Nhơn</u>	Lượng gia cầm giết mổ trong ngày cuối tuần trước 13/11 tăng vọt lên hơn 66.000 con/ngày, tăng gần 13% so với ngày đầu tuần 8/11
<u>Gà ta lai CP</u>	Tại miền Bắc: 42.000-43.000 đồng/kg Tại miền Trung: 44.000-45.000 đồng/kg Tại miền Nam: 44.000-45.000 đồng/kg

	Tại miền Trung và miền Nam, nguồn cung gà màu nhìn chung chưa thực hồi phục, không đủ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ.
<i>Vịt thịt</i>	Tại miền Bắc: 30.000-32.000 đồng/kg Nhu cầu thu mua vịt yếu kém trong bối cảnh heo bệnh bán chạy nhiều khiến giá heo giảm liên tục, thị trường có xu hướng tiêu thụ thịt heo nhiều hơn
	Tại miền Đông: 40.000-41.000 đồng/kg Tại miền Tây: 37.000-38.000 đồng/kg Giao dịch vịt tại cửa chuồng tương đối chậm.

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- Tại miền Bắc, nếu như những ngày cuối tuần trước, giá gà trắng đảo chiều tăng tốt trở lại thì sang đến đầu tuần này, giá có xu hướng linh xình đi ngang quanh mức 26-27.500 đồng/kg áp dụng cho biểu 3.3-3.8 kg/con. Một số khu vực và công ty còn gà to trên 4 kg/con có thể bán được đầu giá 28.000 đồng/kg nhưng không có nhiều. Mặc dù biểu gà to vẫn hơn, nguồn cung gà cũng không quá dư thừa nhưng do sức mua của thị trường rất chậm khiến các công ty có thể sẽ ngừng tăng giá nhằm kích cầu tiêu thụ.

- Tại miền Nam, giá công ty lẫn trong dân được nâng nhẹ lên 28-30.000 đồng/kg, giá 27.000 đồng/kg gần như không còn do biểu gà nhỏ 2.8 kg/con xuất bán ít hơn, thị trường hiện chủ yếu tiêu thụ gà 3-3.3 kg/con.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	26.000-28.000	24.000-25.500	24.000-25.500
	Miền Nam	29.000-30.000	28.000-30.000	28.000-30.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	26.000-28.000	24.000-25.000	24.000-25.000
	Vĩnh Phúc	26.000-28.000	24.000-25.500	24.000-25.500
	Hà Nội	26.000-28.000	24.000-25.500	24.000-25.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	28.000-30.000	27.000-28.000	27.000-28.000
	Bình Phước	28.000-30.000	27.000-28.000	27.000-28.000

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm giết mổ trong ngày cuối tuần trước 13/11 tăng vọt lên hơn 66.000 con/ngày, tăng gần 13% so với ngày đầu tuần 8/11. Theo đó, lượng gia cầm giết mổ trung bình trong tuần thứ 2 của tháng 11 đạt khoảng 59.586 con/ngày, tăng nhẹ 2% so với lượng giết mổ trong tuần trước đó.

Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong tuần 1 tháng 11/2021 (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	12/11	13/11
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	59,547	66,217

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)

Diễn biến gà trắng giống

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	15/11/2021	12/11/2021
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	5.000-6.000	5.000-6.000
	Ăn cám công ty	4.000-4.500	4.000-4.500
DOC- miền Nam	Bán ngoài	6.000-7.000	6.000-7.000
	Ăn cám công ty	5.000-6.000	5.000-6.000
Nam bán ra Bắc	Ăn cám công ty	9.000	9.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	15/11/2021	12/11/2021
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	1700	1700
	Mix04(>=20.3kg)	1600	1600
	Mix05(>=19.3kg)	1500	1500
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	1500	1500
	Loại 22.5kg	1400	1400
	Loại 21.5kg	1300	1300
	Loại 20.5kg	1200	1200
	Loại 19.5kg	1100	1100

Gà màu

- Tại miền Bắc, giá gà ta lai CP giữ ổn định quanh mức 42-43.000 đồng/kg, tiêu thụ gà màu đang ảm đạm lên trong khi nguồn cung có chiều hướng hụt nhẹ hỗ trợ giá gà màu khu vực này có khả năng sẽ tiếp tục tăng trong ngắn hạn tới.

- Tại miền Nam và miền Trung, giá gà ta lai CP tiếp tục tăng 1-2.000 đồng/kg, lên 44-45.000 đồng/kg do nguồn cung gà màu nhìn chung chưa thực hồi phục, không đủ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ. Với vùng giá này, người chăn nuôi bắt đầu có thể đạt điểm hòa vốn.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
---------	------------	------------	------------

Gà ta lai CP – miền Bắc	42.000-43.000	42.000-43.000	39.000-40.000
Gà ta lai CP – miền Trung	44.000-45.000	42.000-44.000	-
Gà ta lai CP – miền Nam	44.000-45.000	42.000-44.000	40.000-44.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	49.000-51.000	49.000-51.000	49.000-51.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-42.000	40.000-42.000	38.000-42.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-44.000	40.000-44.000	36.000-44.000

- Với giao dịch con giống, giá gà màu giống CP ngoài Bắc chừng mức 4.000 đồng/con (trên hóa đơn), giao dịch thực tế chỉ được 3-3.500 đồng/con khiến cho lượng trứng gà giống được đưa ra bán thành trứng thành phẩm nhiều hơn thay vì đưa vào ấp nở. Với giống lai hồ, lai mía tại thị trường tự do, giao dịch ổn định quanh mức 5-6.000 đồng/con, nhu cầu thu mua giống gà màu tương đối chậm.

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	15/11/2021	12/11/2021
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dư	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Lai chọi Lai Vượng	8.000	8.000
DOC- Tiến Đạt	7.000	7.000
DOC- Lai mía	5.000	5.000
DOC- Lai Hồ	5.000	5.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	15/11/2021	12/11/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt tiếp tục giảm mạnh, còn 30-32.000 đồng/kg do nhu cầu thu mua yếu kém trong bối cảnh heo bệnh bán chạy nhiều khiến giá heo giảm liên tục khiến thị trường có xu hướng tiêu thụ thịt heo nhiều hơn thay vì gia cầm. Với giao dịch con giống, giá vịt giống tiếp đã giảm còn 10-11.000 đồng/con với vịt bơ giống và 4.5-5.000 đồng/con với vịt bầu cánh trắng giống. Một số trại vịt ngoài Bắc bắt đầu có tình trạng đẻ trống chuồng do không có đồng thả nuôi trong khi giá thành đầu vào tiếp tục tăng cao.

- Cùng xu hướng, giá vịt thịt tại miền Tây nói dài đã giảm khi giảm thêm 3.000 đồng/kg, xuống còn 37-38.000 đồng/con, giao dịch tại cửa chuồng tương đối chậm. Theo đó, giá vịt giống cũng có chiều hướng giảm thêm, còn 16-17.000 đồng/con.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	15/11/2021	12/11/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	30.000-32.000	33.000-35.000	33.000-36.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	40.000-41.000	40.000-41.000	42.000-43.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	37.000-38.000	40.000-41.000	40.000-42.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	15/11/2021	12/11/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	10.000-11.000	12.000-13.000
	DOC- Vịt Grimaud	10.000-11.000	12.000-13.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	4.500-5.000	5.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	16.000-17.000	18.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, do tiêu thụ gà trắng vẫn chưa cải thiện khiến các tiểu thương tại chợ có tâm lí nhập hàng một cách cầm chừng, lượng gà trắng đổ về chợ hôm nay vẫn tương đối ít, được 3.000 con quay đầu. Tuy nhiên, do giá gà tại trại được đẩy tăng khiến giá gà nhập về chợ (mua xô) cũng được đẩy lên ngưỡng 31-31.500 đồng/kg, theo đó giá bán ra được 31-35.000 đồng/kg, tùy gà trống hay mái.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	15/11/2021	12/11/2021
Gà trắng	Mua vào	31.000-31.500	28.000-29.000
	Bán ra	31.000-35.000	29.000-32.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	50.000	50.000
	Bán ra	55.000	55.000
Gà Japfa (Miền Trung đây ra)	Mua vào	48.000-50.000	48.000-50.000
	Bán ra	54.000-55.000	54.000-55.000

Tin mới nhất